Chi tiết mã HS 2909.19.00

Mã HS	2909.19.00
Mô tả hàng hóa	Ete, rượu-ete, phenol-ete, phenol-rượu-ete, peroxit rượu, peroxit ete, peroxit axetal và peroxit hemiaxetal, peroxit xeton (đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học), và các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Ete mạch hở và các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	31/10/2026 02:10:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29091900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3978
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3978
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3978
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3922
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3883
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3883
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3883
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3883
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3883
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3883
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3921
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3921
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3921
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3921

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3921
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3921
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3925
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3925
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3925
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3925
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3925
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3925
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3925
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3889
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3885
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3885
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3885
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3885
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3885
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3885
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3885
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3885
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3885
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3885
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3885
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3885
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3932
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3932
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3932
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3932

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3932
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3932
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3929
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3929
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3929
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3929
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3929
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3929
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3937
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3937
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3937
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3937
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3937
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3937
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3908
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3908
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3908
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3908
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3908
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3908
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3910
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3910
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3910
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3910
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3910
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3910

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3908
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3908
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3908
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3908
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3908
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3908
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3908
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3929
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3929
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3929
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3929
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3929
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3929
RCEP B	2022	2022	0	B!D3929
RCEP B	2023	2023	0	B!E3929
RCEP B	2024	2024	0	B!F3929
RCEP B	2025	2025	0	B!G3929
RCEP B	2026	2026	0	B!H3929
RCEP B	2027	2027	0	B!I3929
RCEP C	2022	2022	0	C!D3929
RCEP C	2023	2023	0	C!E3929
RCEP C	2024	2024	0	C!F3929
RCEP C	2025	2025	0	C!G3929
RCEP C	2026	2026	0	C!H3929
RCEP C	2027	2027	0	C!I3929
RCEP D	2022	2022	0	D!D3929

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E3929
RCEP D	2024	2024	0	D!F3929
RCEP D	2025	2025	0	D!G3929
RCEP D	2026	2026	0	D!H3929
RCEP D	2027	2027	0	D!I3929
RCEP E	2022	2022	0	E!D3932
RCEP E	2023	2023	0	E!E3932
RCEP E	2024	2024	0	E!F3932
RCEP E	2025	2025	0	E!G3932
RCEP E	2026	2026	0	E!H3932
RCEP E	2027	2027	0	E!I3932
RCEP F	2022	2022	0	F!D3929
RCEP F	2023	2023	0	F!E3929
RCEP F	2024	2024	0	F!F3929
RCEP F	2025	2025	0	F!G3929
RCEP F	2026	2026	0	F!H3929
RCEP F	2027	2027	0	F!I3929
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3607
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3607
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3607
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3607

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2909.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2909.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3978), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.